

Số: **39** /2016/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày **15** tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ
dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 6469/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc dự thảo Nghị quyết Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2017.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa III, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác đại biểu;
- Ban Chỉ đạo Tây nguyên;
- Cục Kiểm tra văn bản của Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Vp: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV Phòng TH, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2017

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **39** /2016/NQ-HĐND ngày **15**/12/2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Điều 1. Nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Đắk Nông; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo, dạy nghề; khoa học, công nghệ;...), vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng khó khăn và các nhiệm vụ cấp thiết.

2. Định mức phân bổ ngân sách được xác định theo phân cấp quản lý kinh tế - xã hội; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017 - 2020; đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và trong phạm vi tổng dự toán được Trung ương giao năm 2017 và cả giai đoạn 2017 - 2020.

3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và phân bổ tổng mức kinh phí cho từng huyện, thị xã (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

4. Tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch trong phân bổ ngân sách; đảm bảo tính chủ động cho các ngành, các cấp trong điều hành, khai thác các nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

5. Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công; tăng cường tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp để giảm dần mức hỗ trợ cho đơn vị sự nghiệp, phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng hưởng chế độ chính sách.

6. Định mức phân bổ chi thường xuyên của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách ban hành đến ngày 31/05/2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí

học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình) và tiền lương theo mức tiền lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, đảm bảo tổng dự toán chi ngân sách của các cấp, các ngành, các đơn vị và các huyện, thị xã có mức tăng hợp lý so với dự toán năm 2016.

8. Các đơn vị sự nghiệp công lập sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực, cụ thể:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên:

Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo Pháp luật về giá.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí):

Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí.

Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp):

Thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời gian 03 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

Hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan, sẽ xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ chính sách; riêng chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường đảm bảo không thấp hơn mức Thủ tướng Chính phủ giao.

Điều 2. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách địa phương

1. Về dân số:

Số dân của từng huyện, thị xã được xác định trên cơ sở số liệu do Cục Thống kê tỉnh công bố.

2. Về biên chế:

Số biên chế được xác định trên cơ sở quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền.

3. Xã đặc biệt khó khăn, biên giới, trọng điểm an ninh quốc phòng, loại 1, loại 2, loại 3 theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Về phân loại nhóm:

- Thị xã Gia Nghĩa.
- Huyện thuộc Nhóm I gồm: Huyện Đắk Mil, Đắk R'lấp, Cư Jút.
- Huyện thuộc Nhóm II gồm: Huyện Krông Nô, Đắk Song, Đắk Glong, Tuy Đức.

Điều 3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

1. Quản lý hành chính (Nhà nước, Đảng, đoàn thể)

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành, trong đó tính kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương; chế độ cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn.

b) Định mức kinh phí hoạt động thường xuyên phân bổ theo biên chế và theo phương thức lũy thoái, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Tiêu chí	Định mức
- Các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh	
+ Từ 25 biên chế trở xuống	27
+ Từ biên chế thứ 26 đến 45	25
+ Từ biên chế thứ 46 đến 65	23
+ Từ biên chế thứ 66 trở lên	21
- Các cơ quan quản lý nhà nước huyện	
+ Thị xã Gia Nghĩa	23
+ Nhóm I	24
+ Nhóm II	25
- Khối Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội	28
- Cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã	
+ Xã loại 1	22
+ Xã loại 2	21
+ Xã loại 3	20

Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...);

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng ISO; phụ cấp một cửa; vận hành và duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị; dân quân tự vệ, đánh giá giám sát đầu tư,...;

- Kinh phí sửa chữa thường xuyên trụ sở; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c) Định mức phân bổ bổ sung:

- Chi tiền lương, tiền công và chi hoạt động của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là hợp đồng 68) tính theo số lượng tại Phụ lục kèm theo với mức 55.000.000 đồng/hợp đồng/năm.

- Kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, Hội đồng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện quyết định thành lập; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở; kinh phí mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi hoạt động của Hội đồng thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Sở Tư pháp thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Kinh phí chi mua quà và tặng phẩm cho lãnh đạo cao cấp đi thăm và làm việc ở các nước; kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê đặc thù, đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; kinh phí hoạt động lưu trữ; hỗ trợ các tổ chức tôn giáo,...

- Trang phục theo quy định của Nhà nước đối với Thanh tra viên, Kiểm lâm viên, Quản lý thị trường, kiểm dịch viên thú y,... với mức 2.500.000 đồng/người/năm.

- Văn phòng Tỉnh ủy/Huyện ủy/Đảng ủy xã được phân bổ kinh phí để thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm cấp ủy đối với Ủy viên: Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban chấp hành Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh, Ban chấp hành Đảng bộ khối doanh nghiệp tỉnh, Ban chấp hành Đảng bộ cấp huyện, Ban chấp hành Đảng bộ cấp xã theo số lượng ủy viên Ban chấp hành và theo mức quy định hiện hành.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh/huyện/xã được phân bổ hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân theo số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân và theo mức quy định hiện hành.

- Kinh phí để thực hiện một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Đảng ủy xã và một số chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Đắk Nông theo quy định.

- Kinh phí hoạt động của Thường trực Tỉnh ủy/Huyện ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện với mức cụ thể do Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

- Các đề án, chế độ, chính sách và nhiệm vụ đặc thù theo chủ trương của tỉnh và khả năng của ngân sách.

d) Các huyện, thị xã được phân bổ theo tiêu chí nhóm huyện kinh phí để đảm bảo các nhiệm vụ tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này, với mức cụ thể:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	Triệu đồng/huyện/năm	4.000
Nhóm I	Triệu đồng/huyện/năm	4.500
Nhóm II	Triệu đồng/huyện/năm	5.000

2. Sự nghiệp giáo dục

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành.

b) Chi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập chiếm 18% tổng chi sự nghiệp giáo dục. Định mức phân bổ này đã tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục thuộc ngân sách các cấp phải đảm bảo theo phân cấp, bao gồm:

- Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...);

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, chi hỗ trợ các trường đạt chuẩn quốc gia, duy trì công tác phổ cập giáo dục các cấp, kiểm định chất lượng giáo dục...;

- Chi cho hợp đồng các công việc theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (bao gồm cả chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động);

- Kinh phí sửa chữa thường xuyên trường, lớp học và mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập theo quy định;

- Kinh phí tổ chức các hoạt động chung do ngành Giáo dục thực hiện như: thi học sinh giỏi, các hoạt động hè, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh...

c) Tỷ lệ phân bổ chi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập năm 2017 nêu trên được tính theo tiền lương tối thiểu 1.210.000 đồng/tháng. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách, nhà nước điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu, thì không điều chỉnh chi phục vụ nhiệm vụ giảng dạy và học tập tăng theo tỷ lệ tương ứng, việc điều chỉnh tăng được thực hiện trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.

d) Ngành Giáo dục được sử dụng từ 4% đến 6% trong tổng số kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập của sự nghiệp giáo dục do cấp mình quản lý để tổ chức các hoạt động chung của ngành, chi cho hợp đồng 68 và sửa chữa thường xuyên trường, lớp học và mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập theo quy định.

Các hoạt động chung quy mô lớn và có nhiều cấp tham gia thì thực hiện theo nguyên tắc cấp nào cử tham gia, cấp đó tự đảm bảo kinh phí.

e) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế của năm trước, mức hỗ trợ theo số được Trung ương phân bổ và chế độ quy định, gồm:

- Kinh phí chính sách học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú;
- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi;
- Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật;
- Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn;
- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số tại các cơ sở giáo dục đại học;
- Kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh Đắk Nông.

3. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a) Cấp tỉnh

- Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành, trong đó tính kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

- Kinh phí hoạt động theo định mức 20.000.000 đồng/biên chế/năm, định mức này đã bao gồm:

+ Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...);

+ Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; vận hành và duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...;

+ Chi cho hợp đồng các công việc theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (bao gồm cả chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động);

+ Kinh phí sửa chữa thường xuyên trụ sở; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc theo quy định.

- Thực hiện phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án, chính sách và nhiệm vụ đặc thù theo chủ trương của tỉnh cho đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo số lượng học viên thực tế và chế độ quy định.

- Các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với mức 800.000 đồng/biên chế/năm. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn kinh phí đào tạo được phân bổ và các nguồn kinh phí khác của mình, cơ quan, đơn vị quyết định hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy chế chi tiêu nội bộ hoặc theo quy định hiện hành.

b) Cấp huyện

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trên địa bàn huyện (không kể dân số từ 1-18 tuổi) là 20.000 đồng/người dân/năm.

c) Cấp xã

Định mức phân bổ theo xã, cụ thể: 40.000.000 đồng/xã/năm.

4. Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Được phân bổ bằng mức dự toán Trung ương giao chi sự nghiệp khoa học công nghệ cho địa phương, cụ thể:

a) Cấp tỉnh

- Như điểm a và điểm b, tiết 3.1, khoản 3 Điều 3 Quy định này;

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: căn cứ nhiệm vụ được phê duyệt và khả năng ngân sách để đảm bảo cho công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cấp tỉnh quản lý.

b) Cấp huyện

Định mức phân bổ theo huyện: 200.000.000 đồng/huyện/năm.

c) Cấp xã

Định mức phân bổ theo xã: 15.000.000 đồng/xã/năm.

5. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

Định mức chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình giai đoạn mới xây dựng chưa tính đến yếu tố hạch toán chuyển vào giá dịch vụ của một số khoản chi (như tiền lương, tiền trực, chi phí điện nước, xử lý môi trường, duy tu bảo dưỡng trang thiết bị,... theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính). Do đó, khi ngành y tế triển khai thực hiện lộ trình điều chỉnh giá sẽ xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước bố trí theo quy định. Định mức phân bổ như sau:

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo biên chế được giao và theo quy định hiện hành, trong đó tính kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

b) Định mức chi hoạt động phân bổ theo tiêu chí giường bệnh và biên chế, với mức cụ thể như sau:

Tiêu chí	Đơn vị tính	Định mức
1. Khối khám, chữa bệnh		
- Tuyến tỉnh	Triệu đồng/giường/năm	25
- Tuyến huyện, thị xã	Triệu đồng/giường/năm	20
2. Khối y tế dự phòng, trung tâm chuyên ngành	Triệu đồng/biên chế/năm	20
3. Hoạt động của trạm y tế xã, phường	Triệu đồng/trạm/năm	45

* Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy của cơ quan, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...);

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn của các ngành, chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi thực hiện công tác quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; kinh phí tổ chức các hoạt động chung do ngành y tế thực hiện; chi công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá giám sát đầu tư...;

- Chi cho hợp đồng các công việc theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (bao gồm cả chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động); trường hợp nếu thiếu kinh phí, đơn vị được phép sử dụng nguồn kinh phí tự chủ (bao gồm nguồn thu được để lại chi theo quy định hiện hành).

- Kinh phí sửa chữa thường xuyên trụ sở; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc theo quy định.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Kinh phí phòng bệnh do các trung tâm y tế dự phòng thực hiện thuộc khối tình quản lý được tính chung cho cả tỉnh với mức 5.000 đồng/người dân/năm để thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh xuyên suốt từ tuyến tỉnh đến tuyến xã.

- Phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản thực hiện phân bổ theo số lượng nhân viên y tế thôn bản và mức phụ cấp tại Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vốn đối ứng các dự án thuộc lĩnh vực y tế, kinh phí khám chữa bệnh của Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ được phân bổ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền và khả năng của ngân sách.

- Mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng bảo trợ xã hội... được thực hiện theo quy định và kinh phí Trung ương hỗ trợ.

- Kinh phí để thực hiện đề án, chính sách theo chủ trương của tỉnh và mua sắm, sửa chữa trang thiết bị để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh phân bổ theo quy định và khả năng của ngân sách.

d) Ngoài ra để tạo điều kiện cho các huyện, thị xã có kinh phí để chỉ đạo, hỗ trợ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, tổ chức các phong trào bảo vệ sức khỏe hàng năm, sẽ thực hiện định mức phân bổ bổ sung cho mỗi huyện, thị xã với mức: 150.000.000 đồng/năm.

6. Sự nghiệp văn hóa thông tin

a) Cấp tỉnh

- Như điểm a và điểm b, tiết 3.1, khoản 3 Điều 3 Quy định này;

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (là đơn vị sự nghiệp công của Nhà nước) được phân bổ thêm kinh phí 510 triệu đồng/đoàn.

+ Đội thông tin lưu động được phân bổ thêm 250 triệu đồng/đội/năm.

+ Hằng năm căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách thực hiện bố trí kinh phí các đề tài, đề án, chính sách, nhiệm vụ phát sinh đặc thù theo chủ trương của tỉnh.

b) Cấp huyện

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trên địa bàn huyện và tính theo nhóm huyện, cụ thể:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	24.300
Nhóm I	đồng/người dân/năm	16.600
Nhóm II	đồng/người dân/năm	22.500

Định mức trên đã bao gồm: kinh phí chi vận động nhân dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư.

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: các huyện, thị xã có đội thông tin lưu động được phân bổ theo mức 250 triệu đồng/đội/năm.

c) Cấp xã: định mức phân bổ theo xã, cụ thể 26.000.000 đồng/xã/năm.

7. Sự nghiệp phát thanh truyền hình

a) Cấp tỉnh

- Như điểm a và điểm b, tiết 3.1, khoản 3 Điều 3 Quy định này;

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: hằng năm căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách thực hiện hỗ trợ một phần kinh phí để tăng thời lượng phát sóng phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc và quảng bá các kênh truyền hình của địa phương trên vệ tinh VINASAT; bố trí kinh phí các đề tài, đề án, chính sách, nhiệm vụ phát sinh đặc thù theo chủ trương của tỉnh.

b) Cấp huyện

- Định mức phân bổ theo dân số trên địa bàn huyện và theo nhóm huyện, cụ thể:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	10.300
Nhóm I	đồng/người dân/năm	11.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	13.300

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: các huyện có trạm phát lại phát thanh truyền hình được phân bổ 330 triệu đồng/trạm để có thêm kinh phí thực hiện phủ sóng phát thanh, truyền hình đối với vùng khó khăn.

c) Cấp xã: định mức phân bổ theo xã, cụ thể 17.000.000 đồng/xã/năm.

8. Sự nghiệp thể dục thể thao

a) Cấp tỉnh

- Như điểm a và điểm b, tiết 3.1, khoản 3 Điều 3 Quy định này;

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: hằng năm căn cứ theo chế độ quy định và khả năng ngân sách thực hiện cân đối kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng vận động viên năng khiếu các bộ môn thể thao, chế độ luyện tập, thi đấu, khen thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên thành tích cao; bố trí kinh phí các đề tài, đề án, chính sách, nhiệm vụ phát sinh đặc thù theo chủ trương của tỉnh.

b) Cấp huyện

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số trên địa bàn huyện và tính theo nhóm huyện, cụ thể:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	8.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	8.400
Nhóm II	đồng/người dân/năm	8.700

c) Cấp xã: định mức phân bổ theo xã, cụ thể 19.000.000 đồng/xã/năm.

9. Chi đảm bảo xã hội

a) Cấp tỉnh

- Như điểm a và điểm b, tiết 3.1, khoản 3 Điều 3 Quy định này;
- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ mà theo phân cấp do cấp tỉnh quản lý và đảm bảo, được tính trên cơ sở quyết định giao dự toán năm 2016 của cấp có thẩm quyền.

+ Kinh phí thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) vào ngày lễ, tết với mức 500.000 đồng/gia đình/năm do cấp tỉnh quản lý và đảm bảo theo phân cấp.

+ Quỹ cho vay xóa đói giảm nghèo, Quỹ cho vay giải quyết việc làm và Quỹ cho vay xuất khẩu lao động.

+ Các chế độ chi do địa phương ban hành có liên quan.

b) Cấp huyện

- Định mức phân bổ theo dân số trên địa bàn huyện và theo nhóm huyện, mức phân bổ như sau:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	13.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	15.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	17.500

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ mà theo phân cấp do cấp huyện quản lý và đảm bảo, được tính trên cơ sở quyết định giao dự toán năm 2016 của cấp có thẩm quyền.

+ Kinh phí thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) vào ngày lễ, tết với mức 500.000 đồng/gia đình/năm do cấp huyện quản lý và đảm bảo theo phân cấp.

c) Cấp xã

- Định mức phân bổ theo xã, mức phân bổ cụ thể:

Xã	Đơn vị tính	Định mức
Xã căn cứ cách mạng, xã đặc biệt khó khăn	đồng/xã/năm	50.000.000
Xã còn lại	đồng/xã/năm	40.000.000

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Kinh phí để thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

+ Kinh phí mai táng phí cho những đối tượng chính sách khi từ trần theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

+ Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Quốc phòng, an ninh

a) Cấp tỉnh

Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, đối với các nhiệm vụ hỗ trợ thì thực hiện tính toán hỗ trợ theo khả năng ngân sách.

b) Cấp huyện

- Chi quốc phòng, định mức phân bổ tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn huyện và tính theo nhóm huyện, mức phân bổ cụ thể như sau:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	5.500
Nhóm I	đồng/người dân/năm	7.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	8.500

- Chi an ninh, định mức phân bổ tính theo tiêu chí dân số trên địa bàn huyện và tính theo nhóm huyện, mức phân bổ cụ thể như sau:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	4.500
Nhóm I	đồng/người dân/năm	5.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	5.500

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: đối với các huyện biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 100.000.000 triệu đồng/huyện/năm cho chi quốc phòng và 100.000.000 triệu đồng/huyện/năm cho chi an ninh.

c) Cấp xã

- Chi quốc phòng, định mức phân bổ theo xã, cụ thể:

Xã	Đơn vị tính	Định mức
Xã biên giới	đồng/xã/năm	590.000.000
Xã trọng điểm quốc phòng an ninh	đồng/xã/năm	250.000.000
Xã còn lại	đồng/xã/năm	105.000.000

- Chi an ninh, định mức phân bổ theo xã, cụ thể:

Xã	Đơn vị tính	Định mức
Xã biên giới	đồng/xã/năm	50.000.000
Xã trọng điểm quốc phòng an ninh	đồng/xã/năm	45.000.000
Xã còn lại	đồng/xã/năm	35.000.000
Tổ bảo vệ dân phố	đồng/tổ/năm	20.000.000

11. Sự nghiệp kinh tế

a) Cấp tỉnh

- Như điểm a và điểm b, tiết 3.1, khoản 3 Điều 3 Quy định này;
- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

+ Đối với những khoản chi có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản; chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông, thủy lợi; các hoạt động sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp; công tác đo, lập bản đồ, lưu trữ hồ sơ địa chính; điều tra cơ bản và các sự nghiệp kinh tế khác, các nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt... tính phân bổ theo nhiệm vụ, công việc được giao trên cơ sở các định mức kinh tế, kỹ thuật, chi phí,... theo quy định hiện hành cho từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi cụ thể trong phạm vi khả năng nguồn vốn ngân sách.

+ Kinh phí miễn thủy lợi phí theo số Trung ương giao.

b) Cấp huyện

- Thị xã Gia Nghĩa được phân bổ theo tỷ lệ là 10% và các huyện còn lại là 7% của tổng các khoản chi thường xuyên từ khoản 1 đến khoản 10 Điều 3 Quy định này.

- Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa với mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ và diện tích đất trồng lúa Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

- Riêng đối với thị xã Gia Nghĩa được phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng đường nội thị, công viên, điện chiếu sáng công cộng,... 5.000 triệu đồng/năm.

c) Cấp xã

Xã	Đơn vị tính	Định mức
Phường, thị trấn	đồng/xã/năm	30.000.000
Xã còn lại	đồng/xã/năm	50.000.000

12. Sự nghiệp môi trường

Trên cơ sở dự toán chi sự nghiệp môi trường của ngân sách địa phương được Trung ương giao và nhiệm vụ chi theo phân cấp, phân bổ theo cơ cấu: ngân sách cấp tỉnh 40% và ngân sách cấp huyện 60%.

a) Cấp tỉnh

- Như điểm a và điểm b, tiết 3.1, khoản 3 Điều 3 Quy định này;

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: phân bổ theo quy định và khả năng của ngân sách kinh phí để thực hiện các đề tài, đề án, chính sách theo chủ trương của tỉnh; vốn đối ứng các dự án theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; hỗ trợ xử lý chất thải cho một số đơn vị do tỉnh quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.

b) Cấp huyện

Mức phân bổ cụ thể cho từng huyện, thị xã theo tiêu chí dân số trên địa bàn huyện, thị xã và tính theo nhóm huyện, mức cụ thể như sau:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thị xã Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	60.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	30.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	20.000

c) Cấp xã

Định mức phân bổ theo xã, mức phân bổ cụ thể:

Xã	Đơn vị tính	Định mức
Phường, thị trấn	đồng/xã/năm	45.000.000
Xã còn lại	đồng/xã/năm	30.000.000

13. Chi thường xuyên khác của ngân sách

Chi khác ngân sách được tính bằng 0,5% tổng các lĩnh vực chi thường xuyên được phân bổ theo định mức từ khoản 1 đến khoản 12 Điều 3 Quy định này. Định mức này không bao gồm các khoản chi đặc thù, đột xuất được phân bổ theo từng nội dung công việc cụ thể.

14. Dự phòng ngân sách

Dự phòng ngân sách được tính bằng 3% tổng các lĩnh vực chi được phân bổ theo định mức từ khoản 1 đến khoản 13 Điều 3 Quy định này./.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

Phụ lục
CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
*(Kèm theo Nghị quyết số **39** /2016/NQ-HĐND ngày **15/12**/2016*
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
I	Cấp tỉnh	135	
1	Sở Tư pháp	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
3	Sở Tài chính	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
4	Sở Nội vụ	8	
4.1	Văn phòng Sở	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
4.2	Ban Thi đua - Khen thưởng	1	
	Lái xe	1	
4.3	Chi cục Văn thư Lưu trữ	1	
	Lái xe	1	
4.4	Ban Tôn giáo	2	
	Lái xe	1	
	Bảo vệ	1	
5	Sở Công Thương	8	
5.1	Văn phòng Sở	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
5.2	Chi cục Quản lý thị trường	4	
	Lái xe	3	
	Bảo vệ	1	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28	
6.1	Văn phòng Sở	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
6.2	Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống lụt bão	1	
	Lái xe	1	
6.3	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2	
	Lái xe	1	



STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
	Bảo vệ	1	
6.4	Chi cục Kiểm lâm	16	
	Lái xe	14	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
6.5	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	2	
	Lái xe	1	
	Bảo vệ	1	
6.6	Chi cục Phát triển nông thôn	2	
	Lái xe	1	
	Bảo vệ	1	
6.7	Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản	1	
	Lái xe	1	
7	Sở Giao thông Vận tải	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
8	Sở Xây dựng	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	5	
9.1	Văn phòng Sở	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
9.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	1	
	Lái xe	1	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
12	Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
13	Sở Khoa học và Công nghệ	5	
13.1	Văn phòng Sở	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
13.2	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường chất lượng	1	
	Lái xe	1	
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	4	

STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
15	Sở Y tế	7	
15.1	Văn phòng Sở	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
15.2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2	
	Lái xe	1	
	Bảo vệ	1	
15.3	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	1	
	Lái xe	1	
16	Thanh tra tỉnh	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
17	Văn phòng UBND tỉnh	14	
	Lái xe	7	Bao gồm xe phục vụ hoạt động của UBND tỉnh
	Bảo vệ	3	
	Nhân viên phục vụ	4	
18	Sở Ngoại vụ	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
19	Ban Dân tộc	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
20	Văn phòng HĐND tỉnh	8	
	Lái xe	5	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	2	
21	BQL các khu công nghiệp tỉnh	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
II	Cấp huyện	32	
1	UBND Thị xã Gia Nghĩa	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	
2	UBND huyện Đắk G'Long	4	
	Lái xe	2	
	Bảo vệ	1	
	Nhân viên phục vụ	1	



STT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
3	UBND huyện Krông Nô	4	
	<i>Lái xe</i>	2	
	<i>Bảo vệ</i>	1	
	<i>Nhân viên phục vụ</i>	1	
4	UBND huyện Cư Jút	4	
	<i>Lái xe</i>	2	
	<i>Bảo vệ</i>	1	
	<i>Nhân viên phục vụ</i>	1	
5	UBND huyện Đắk Mĩl	4	
	<i>Lái xe</i>	2	
	<i>Bảo vệ</i>	1	
	<i>Nhân viên phục vụ</i>	1	
6	UBND huyện Đắk Song	4	
	<i>Lái xe</i>	2	
	<i>Bảo vệ</i>	1	
	<i>Nhân viên phục vụ</i>	1	
7	UBND huyện Đắk R'Lấp	4	
	<i>Lái xe</i>	2	
	<i>Bảo vệ</i>	1	
	<i>Nhân viên phục vụ</i>	1	
8	UBND huyện Tuy Đức	4	
	<i>Lái xe</i>	2	
	<i>Bảo vệ</i>	1	
	<i>Nhân viên phục vụ</i>	1	
	Tổng cộng (I+II):	167	